

QUY ĐỊNH THỰC HIỆN ỦY BAN (EU) 2021/2307**của 21 Tháng Mười 2021****đặt ra các quy tắc về tài liệu và thông báo cần thiết cho các sản phẩm hữu cơ và chuyển đổi dự định nhập khẩu vào Liên minh****(Văn bản có liên quan đến EEA)**

ỦY BAN CHÂU ÂU,

Liên quan đến Hiệp ước về chức năng của Liên minh châu Âu,

Liên quan đến Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ⁽¹⁾, và đặc biệt là Điều 39 (2), điểm (b) và (c) và Điều 43 (7) của chúng,

Trong khi đó:

- (1) Theo Điều 45 (1) của Quy định (EU) 2018/848, một sản phẩm có thể được nhập khẩu từ một nước thứ ba với mục đích đưa sản phẩm đó ra thị trường trong Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc dưới dạng sản phẩm chuyển đổi. Do đó, cần phải đặt ra các quy tắc chi tiết cho một số nhà khai thác nhất định trong Liên minh đối với các lô hàng khi nhập cảnh vào Liên minh và sau khi phát hành để lưu thông tự do trong Liên minh của một lô hàng hoặc một phần của lô hàng. Những người khai thác đó là các nhà nhập khẩu xuất trình lô hàng để phát hành để lưu thông tự do trong Liên minh, hoặc các nhà khai thác thay mặt họ, và những người nhận hàng và người nhận hàng đầu tiên sẽ nhận lô hàng hoặc một phần của lô hàng.
- (2) Nhằm tổ chức một hệ thống kiểm soát chính thức đối với các lô hàng đảm bảo truy xuất nguồn gốc, nhà nhập khẩu nên thông báo trước về việc lô hàng đến cơ quan có thẩm quyền và cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát của chính mình bằng cách gửi các thông tin liên quan trên giấy chứng nhận kiểm tra được quy định trong Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2306 ⁽²⁾.
- (3) Ngoài ra, cần phải đặt ra các quy tắc chi tiết liên quan đến nội dung trích lục giấy chứng nhận kiểm định cũng như liên quan đến các phương tiện kỹ thuật mà nó sẽ được cấp.
- (4) Người nhập khẩu, người nhận hàng đầu tiên và người nhận hàng phải cung cấp giấy chứng nhận kiểm tra hoặc trích lục giấy chứng nhận kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát. Cần phải đặt ra các nghĩa vụ bổ sung liên quan đến thông tin được đưa vào bởi nhà nhập khẩu, người nhận hàng đầu tiên và người nhận hàng, tương ứng, trong mô tả của đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc chuyển đổi được đề cập trong Điều 39 (1), điểm (d) (i), của Quy định (EU) 2018/848.
- (5) Để đảm bảo rằng các trường hợp không tuân thủ được theo dõi đúng cách, thông tin về bất kỳ sự không tuân thủ đáng ngờ hoặc được thiết lập nào được phát hiện trong quá trình xác minh được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền của một Quốc gia Thành viên về lô hàng phải được chia sẻ giữa các Quốc gia Thành viên và Ủy ban bằng Hệ thống Thông tin Nông nghiệp Hữu cơ.

(6)Liên quan đến giấy chứng nhận kiểm định và trích lục giấy chứng nhận kiểm định, được xác nhận trên giấy có chữ ký tay theo Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306, cần đặt ra các yêu cầu chuyển tiếp đối với việc sử dụng giấy chứng nhận đó và trích xuất chứng chỉ của người nhận hàng đầu tiên và người nhận hàng, cũng như yêu cầu đối với giấy chứng nhận và trích xuất như vậy để đi kèm với hàng hóa đến cơ sở của người nhận hàng đầu tiên và của người nhận hàng.

(7)Vì lợi ích của sự rõ ràng và chắc chắn về mặt pháp lý, Quy định này nên được áp dụng kể từ ngày áp dụng Quy định (EU) 2018/848.

(8)Các biện pháp quy định trong Quy chế này phù hợp với ý kiến của Ủy ban sản xuất hữu cơ,

ĐÃ THÔNG QUA QUY ĐỊNH NÀY:

Điều 1

Chủ đề

Quy chế này quy định các quy định về:

- (a)các tờ khai và thông tin liên lạc của các nhà nhập khẩu, người khai thác chịu trách nhiệm về các lô hàng, người nhận hàng đầu tiên và người nhận hàng để nhập khẩu sản phẩm từ nước thứ ba nhằm mục đích đưa các sản phẩm đó ra thị trường trong Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển đổi; và
- (b)thông báo của các cơ quan có thẩm quyền của các Quốc gia Thành viên về việc nghi ngờ hoặc xác định không tuân thủ các lô hàng.

Điều 2

Định nghĩa

Đối với mục đích của Quy định này, các định nghĩa sau đây được áp dụng:

- (1)'nhà nhập khẩu' có nghĩa là một thể nhân hoặc pháp nhân được thành lập tại Liên minh và tuân theo hệ thống kiểm soát được đề cập trong Quy định (EU) 2018/848, người tự mình xuất trình lô hàng để lưu thông tự do trong Liên minh hoặc thông qua đại diện;
- (2)'nhà điều hành chịu trách nhiệm về lô hàng' có nghĩa là, theo mục đích của Điều 6 (4) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306 và Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2019/2123 ⁽³⁾, là nhà nhập khẩu hoặc một thể nhân hoặc pháp nhân được thành lập tại Liên minh thay mặt cho nhà nhập khẩu xuất trình lô hàng tại trạm kiểm soát biên giới;
- (3)"Người nhận hàng đầu tiên" có nghĩa là một thể nhân hoặc pháp nhân được thành lập tại Liên minh và tuân theo hệ thống kiểm soát được đề cập trong Quy định (EU) 2018/848 mà lô hàng được nhà nhập khẩu giao sau khi phát hành để lưu thông tự do và người nhận lô hàng để chuẩn bị thêm và / hoặc tiếp thị;
- (4)"Người nhận hàng" có nghĩa là một thể nhân hoặc pháp nhân được thành lập tại Liên minh và tuân theo hệ thống kiểm soát được đề cập trong Quy định (EU) 2018/848 mà lô hàng thu được từ việc tách lô hàng được nhà nhập khẩu giao sau khi phát hành để lưu thông tự do và người nhận lô hàng đó để chuẩn bị thêm và / hoặc tiếp thị;
- (5)'lô hàng' có nghĩa là lô hàng, như được định nghĩa tại Điều 3, điểm (37), của Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽⁴⁾, các sản phẩm dự định được đưa ra thị

trường trong Liên minh dưới dạng sản phẩm hữu cơ hoặc sản phẩm chuyển đổi; tuy nhiên, trong trường hợp các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm đang chuyển đổi được miễn kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới theo Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2305 ⁽⁵⁾, nó có nghĩa là một số lượng sản phẩm theo một hoặc nhiều mã Danh pháp kết hợp, được bao phủ bởi một giấy chứng nhận kiểm tra duy nhất, được vận chuyển bằng cùng một phương tiện vận tải và được nhập khẩu từ cùng một nước thứ ba.

Điều 3

Thông báo trước khi đến

1. Đối với mỗi lô hàng, nhà nhập khẩu hoặc, nếu thích hợp, người điều khiển chịu trách nhiệm về lô hàng, phải thông báo trước về việc lô hàng đến trạm kiểm soát biên giới hoặc điểm giải phóng để lưu thông tự do bằng cách hoàn thành và nộp trong Hệ thống chuyên gia và kiểm soát thương mại (TRACES) nêu tại Điều 2, điểm (36), của Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1715 ⁽⁶⁾ phần liên quan của giấy chứng nhận kiểm định theo mẫu và các ghi chú được nêu trong Phụ lục Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306 cho các thực thể sau:

(a) cơ quan có thẩm quyền nêu tại Điều 6 Quy chế ủy quyền (EU) 2021/2306;

(b) cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát của nhà nhập khẩu.

2. Đối với mỗi lô hàng chịu sự kiểm soát chính thức tại các trạm kiểm soát biên giới, khoản 1 sẽ được áp dụng ngoài các yêu cầu thông báo trước cho các cơ quan có thẩm quyền tại các trạm kiểm soát biên giới về việc lô hàng đến theo Điều 56 (3), điểm (a) của Quy định (EU) 2017/625.

3. Thông báo trước theo khoản 1 sẽ được đưa ra theo các yêu cầu về thời gian tối thiểu được quy định trong Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1013 ⁽⁷⁾.

Điều 4

Giấy chứng nhận kiểm định và trích lục giấy chứng nhận kiểm định

1. Người nhập khẩu và người nhận hàng đầu tiên phải hoàn thành giấy chứng nhận kiểm tra trong TRACES như sau:

(a) tại ô 23 về thủ tục hải quan đặc biệt, người nhập khẩu phải điền vào TRACES tất cả các thông tin, trừ thông tin về xác minh do cơ quan có thẩm quyền có liên quan thực hiện;

(b) tại ô 24 trên người nhận hàng đầu tiên, người nhập khẩu phải điền vào TRACES thông tin nếu thông tin chưa được cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát tại nước thứ ba điền thông tin trước khi xác minh lô hàng và xác nhận giấy chứng nhận kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền; và

(c) hộp 31 trên tờ khai của người nhận hàng đầu tiên phải được hoàn thành trong TRACES bởi người nhận hàng đầu tiên khi nhận lô hàng sau khi lô hàng được giải phóng để lưu thông tự do.

2. Nếu quyết định đưa ra đối với lô hàng theo Điều 6 (3) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306 chỉ ra rằng lô hàng sẽ được giải phóng để lưu thông tự do, nhà nhập khẩu phải báo cáo số giấy chứng nhận kiểm tra trên tờ khai hải quan để giải phóng lưu thông tự do theo quy định tại Điều 158 (1) của Quy định (EU) số 952/2013 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽⁸⁾.

3. Trường hợp lô hàng được chia thành các lô khác nhau dưới sự giám sát hải quan và trước khi giải phóng để lưu thông tự do theo Điều 6(6) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306, người nhập khẩu phải hoàn thành và nộp trích lục giấy chứng nhận kiểm tra qua TRACES cho từng lô phù hợp với mẫu và các ghi chú quy định tại Phụ lục của Quy chuẩn này.

Điều tương tự cũng áp dụng nếu một lô hàng được chia thành các lô khác nhau theo Điều 7 (3) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306 sau khi xác minh và xác nhận giấy chứng nhận kiểm tra.

Nếu quyết định liên quan đến lô hàng được ghi trong trích lục giấy chứng nhận kiểm định theo Điều 6 (6) và 7 (4) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306 chỉ ra rằng lô hàng sẽ được phát hành để lưu thông tự do, số trích lục của giấy chứng nhận kiểm tra sẽ được báo cáo trên tờ khai hải quan để giải phóng lưu thông tự do theo quy định tại Điều 158 (1) của Quy định EU) Không 952/2013.

Khi tiếp nhận lô hàng, người nhận hàng phải hoàn thành trong hộp TRACES 13 của trích lục giấy chứng nhận kiểm định, xác nhận rằng, khi tiếp nhận lô hàng, bao bì hoặc thùng chứa và, nếu có liên quan, giấy chứng nhận kiểm tra có phù hợp với điểm 6 của Phụ lục III của Quy định (EU) 2018/848 hay không.

4. Việc trích lục giấy chứng nhận kiểm định phải được lập bằng ngôn ngữ chính thức hoặc bằng một trong các ngôn ngữ chính thức của Quốc gia Thành viên nơi lô hàng sẽ được phát hành để lưu hành tự do. Một Quốc gia Thành viên có thể đồng ý với việc trích xuất các giấy chứng nhận được soạn thảo bằng một ngôn ngữ chính thức khác của Liên minh và kèm theo, nếu cần thiết, bằng một bản dịch được chứng thực.

Điều 5

Tài khoản chứng từ

Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát có liên quan, người nhập khẩu, người nhận hàng đầu tiên hoặc người nhận hàng phải cung cấp giấy chứng nhận kiểm tra hoặc, nếu có liên quan, trích lục giấy chứng nhận kiểm tra mà họ được đề cập.

Điều 6

Mô tả các đơn vị sản xuất và hoạt động

Trong trường hợp nhà nhập khẩu khai báo lô hàng phát hành để lưu thông tự do, mô tả đầy đủ về đơn vị sản xuất hữu cơ hoặc chuyển đổi và các hoạt động như được đề cập trong Điều 39 (1), điểm (d) (i) của Quy định (EU) 2018/848 sẽ bao gồm:

- (a) các cơ sở;
- (b) các hoạt động, chỉ ra các điểm phát hành để lưu thông tự do trong Liên minh;
- (c) bất kỳ phương tiện nào khác mà nhà nhập khẩu dự định sử dụng để lưu trữ các sản phẩm nhập khẩu trong khi chờ giao hàng cho người nhận hàng đầu tiên; và
- (d) Cam kết đảm bảo rằng bất kỳ cơ sở nào sẽ được sử dụng để lưu trữ các sản phẩm nhập khẩu phải được đệ trình để kiểm soát, được thực hiện bởi cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát hoặc, nếu các cơ sở lưu trữ này được đặt tại một Quốc gia Thành viên hoặc khu vực

khác, bởi một cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát được công nhận để kiểm soát tại Quốc gia hoặc khu vực Thành viên đó.

Trong trường hợp người nhận hàng đầu tiên và người nhận hàng, bản mô tả phải bao gồm các phương tiện được sử dụng để tiếp nhận lô hàng và lưu trữ lô hàng.

Điều 7

Thông báo về sự không tuân thủ đáng ngờ hoặc đã được thiết lập

Nếu trong quá trình xác minh sự tuân thủ của một lô hàng theo Điều 6 của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306 các trường hợp nghi ngờ hoặc thiết lập không tuân thủ được xác định, Quốc gia Thành viên liên quan phải thông báo ngay cho Ủy ban và các Quốc gia Thành viên khác bằng cách sử dụng Hệ thống thông tin nông nghiệp hữu cơ (OFIS) và mẫu được nêu trong Mục 4 của Phụ lục II Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/279 ⁽⁹⁾. Ủy ban sẽ thông báo cho cơ quan có thẩm quyền, hoặc nếu có liên quan, cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát của nước thứ ba liên quan.

Điều 8

Quy định chuyển tiếp đối với giấy chứng nhận kiểm định và trích lục giấy chứng nhận kiểm định

1. Giấy chứng nhận kiểm tra bằng giấy xác nhận có chữ ký tay theo Điều 11 (2) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306 và trích lục giấy của giấy chứng nhận kiểm tra được xác nhận có chữ ký tay theo Điều 11 (5) của Quy định đó phải đi cùng hàng hóa đến cơ sở của người nhận hàng đầu tiên hoặc của người nhận hàng.

2. Khi nhận được giấy chứng nhận kiểm định nêu tại khoản 1, người nhận hàng đầu tiên phải xác minh xem thông tin được báo cáo trong giấy chứng nhận đó có tương ứng với thông tin được hoàn thành trong giấy chứng nhận đó trong TRACES hay không.

Trong trường hợp các thông tin liên quan đến số lượng kiện hàng nêu tại ô 13 của chứng thư kiểm định và các thông tin tại ô 16 và 17 của giấy chứng nhận đó không đầy đủ trong giấy chứng nhận kiểm định, hoặc trong trường hợp thông tin đó khác với thông tin đã hoàn thành trong giấy chứng nhận trong TRACES, người nhận hàng đầu tiên sẽ xem xét các thông tin đã hoàn thành trong giấy chứng nhận trong TRACES.

3. Sau khi xác minh nêu tại khoản 2, người nhận hàng đầu tiên phải ký giấy chứng nhận kiểm tra tại ô 31 và gửi giấy chứng nhận đó cho người nhập khẩu nêu tại ô 12.

4. Nhà nhập khẩu phải giữ giấy chứng nhận kiểm tra nêu tại khoản 3 cho cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát xử lý trong ít nhất hai năm.

5. Trong trường hợp trích xuất giấy chứng nhận kiểm định theo quy định tại khoản 1, khi tiếp nhận lô hàng, người nhận hàng phải ký tên bằng tay vào tờ giấy trích lục vào ô 13.

6. Người nhận hàng của lô hàng phải giữ giấy trích xuất giấy chứng nhận kiểm tra nêu tại khoản 5 cho các cơ quan kiểm soát và/hoặc cơ quan kiểm soát xử lý trong ít nhất hai năm.

7. Người nhận hàng đầu tiên hoặc, nếu có liên quan, nhà nhập khẩu có thể lập một bản sao giấy chứng nhận kiểm tra nêu tại khoản 3 nhằm mục đích thông báo cho các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát theo quy định tại Điều 5. Bất kỳ bản sao nào như vậy phải mang theo chỉ dẫn 'COPY' được in hoặc đóng dấu trên đó.

8. Người nhận hàng hoặc, nếu có liên quan, người nhập khẩu có thể tạo một bản sao trích lục giấy chứng nhận kiểm tra nêu tại khoản 5 nhằm mục đích thông báo cho cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát theo quy định tại Điều 5. Bất kỳ bản sao nào như vậy phải mang theo chỉ dẫn 'COPY' được in hoặc đóng dấu trên đó.

Điều 9

Hiệu lực và áp dụng

Quy định này sẽ có hiệu lực vào ngày thứ ba sau khi được công bố trên *Tạp chí Chính thức của Liên minh Châu Âu*.

Chương trình áp dụng từ ngày 1/1/2022.

Quy định này sẽ ràng buộc toàn bộ và áp dụng trực tiếp ở tất cả các Quốc gia Thành viên.

Thực hiện tại Brussels, ngày 21 tháng 10 năm 2021.

Đối với Ủy ban

Tổng thống

Ursula VON DER LEYEN

(¹) [OJ L 150, 14.6.2018, tr. 1](#).

(²) Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2306 ngày 21 tháng 10 năm 2021 bổ sung Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu với các quy tắc về kiểm soát chính thức đối với các lô hàng sản phẩm hữu cơ và các sản phẩm chuyển đổi dự định nhập khẩu vào Liên minh và trên giấy chứng nhận kiểm tra (xem trang 13 của Tạp chí Chính thức này).

(³) Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2019/2123 ngày 10 tháng 10 năm 2019 bổ sung Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu liên quan đến các quy tắc cho các trường hợp và điều kiện theo đó kiểm tra nhận dạng và kiểm tra thực tế đối với một số hàng hóa có thể được thực hiện tại các điểm kiểm soát và kiểm tra tài liệu có thể được thực hiện ở khoảng cách từ các trạm kiểm soát biên giới ([OJ L 321, 12.12.2019, tr. 64](#)).

(⁴) Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 15 tháng 3 năm 2017 về kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác được thực hiện để đảm bảo áp dụng luật thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, các quy tắc về sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật và các sản phẩm bảo vệ thực vật, sửa đổi Quy định (EC) số 999/2001, (EC) số 396/2005, (EC) số 1069/2009, (EC) Số 1107/2009, (EU) số 1151/2012, (EU) số 652/2014, (EU) 2016/429 và (EU) 2016/2031 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu, Quy định của Hội đồng (EC) số 1/2005 và (EC) số 1099/2009 và Chỉ thị của Hội đồng 98/58/EC, 1999/74/EC, 2007/43/EC, 2008/119/EC và 2008/120/EC, và bãi bỏ Quy định (EC) số 854/2004 và (EC) số 882/2004 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu, Chỉ thị của Hội đồng 89/608 / EEC, 89/662 / EEC, 90/425 / EEC, 91/496 / EEC, 96/23 / EC, 96/93 / EC và 97/78 / EC và Quyết định của Hội đồng 92/438 / EEC (Quy định kiểm soát chính thức) ([OJ L 95, 7.4.2017, trang 1](#)).

(⁵) Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2305 ngày 21 tháng 10 năm 2021 bổ sung Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu với các quy tắc về các trường hợp và điều kiện theo đó các sản phẩm hữu cơ và sản phẩm đang chuyển đổi được miễn kiểm soát chính

thức tại các trạm kiểm soát biên giới, nơi kiểm soát chính thức đối với các sản phẩm đó và sửa đổi Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2019/2123 và (EU) 2019/2124 (xem trang 5 của điều này Tập chí chính thức).

(⁶) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1715 ngày 30 tháng 9 năm 2019 đặt ra các quy tắc cho hoạt động của hệ thống quản lý thông tin đối với các kiểm soát chính thức và các thành phần hệ thống của nó (Quy định IMSOC) ([OJ L 261, 14.10.2019, trang 37](#)).

(⁷) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2019/1013 ngày 16 tháng 4 năm 2019 về thông báo trước về việc gửi một số loại động vật và hàng hóa vào Liên minh ([OJ L 165, 21.6.2019, trang 8](#)).

(⁸) Quy định (EU) số 952/2013 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 9 tháng 10 năm 2013 quy định Bộ luật Hải quan Liên minh ([OJ L 269, 10.10.2013, trang 1](#)).

(⁹) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/279 ngày 22 tháng 2 năm 2021 đưa ra các quy tắc chi tiết để thực hiện Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng về kiểm soát và các biện pháp khác đảm bảo truy xuất nguồn gốc và tuân thủ trong sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ ([OJ L 62, 23.2.2021, trang 6](#)).

ANNEX

PHẦN I

TRÍCH XUẤT Không ... GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM TRA NHẬP KHẨU CÁC SẢN PHẨM HỮU CƠ VÀ CHUYỂN ĐỔI VÀO LIÊN MINH CHÂU ÂU

1. Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát đã cấp giấy chứng nhận kiểm tra cơ bản	2. Các thủ tục theo Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu (¹): ☐ Tuân thủ (Điều 46); ☐ Nước thứ ba tương đương (Điều 48); ☐ Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát tương đương (Điều 57); hoặc ☐ Tương đương theo một hiệp định thương mại (Điều 47).
3. Giấy chứng nhận số tham chiếu kiểm định	4. Cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát
5. Nhập khẩu	6. Nước xuất xứ
7. Nước xuất khẩu	8. Trạm kiểm soát biên giới / điểm kiểm soát / điểm phát hành để lưu thông tự do
9. Quốc gia đến	10. Người nhận hàng của lô hàng thu được từ việc tách
11. Mô tả sản phẩm Mã CN hữu cơ hoặc đang chuyển đổi Danh mục Số lượng gói Số lô Trọng lượng tịnh của lô và trọng lượng tịnh	

của lô hàng ban đầu	
12. Tuyên bố của cơ quan có thẩm quyền có liên quan xác minh và xác nhận việc trích lục giấy chứng nhận. Trích xuất này tương ứng với lô hàng được mô tả ở trên và thu được bằng cách tách một lô hàng được bao phủ bởi một giấy chứng nhận kiểm tra gốc với một số được đề cập trong hộp 3. ☐ Được phát hành dưới dạng hữu cơ; ☐ Được phát hành dưới dạng chuyển đổi; ☐ Được phát hành dưới dạng không hữu cơ; ☐ Lô không thể được phát hành để lưu thông tự do. Thông tin bổ sung: Cơ quan và Quốc gia Thành viên: Ngày: Tên và chữ ký của người được ủy quyền/con dấu điện tử đủ điều kiện	
13. Tờ khai của người nhận hàng của lô hàng Điều này là để xác nhận rằng tại lễ tân của các sản phẩm, bao bì hoặc hộp đựng và, nếu có liên quan, giấy chứng nhận kiểm tra là: ☐ theo điểm 6 của Phụ lục III của Quy định (EU) 2018/848; hoặc ☐ không phù hợp với điểm 6 của Phụ lục III của Quy định (EU) 2018/848.	
Tên, chữ ký của người được ủy quyền	Ngày:

PHẦN II

NHỮNG LƯU Ý KHI HOÀN THIỆN MÔ HÌNH TRÍCH LỤC GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Trích xuất không ...: Số trích xuất tương ứng với số lô hàng thu được từ việc tách lô hàng ban đầu.

Hộp 1: Tên, địa chỉ và mã của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát ở nước thứ ba đã cấp giấy chứng nhận kiểm tra cơ bản.

Hộp 2: Hộp này cho biết các quy định của Quy định (EU) 2018/848 có liên quan đến việc phát hành và sử dụng trích xuất này; cho biết điều khoản liên quan theo đó lô hàng cơ bản được nhập khẩu, xem Hộp 2 của Giấy chứng nhận kiểm tra cơ bản.

Hộp 3: Số giấy chứng nhận kiểm tra được Hệ thống chuyên gia và kiểm soát thương mại điện tử (TRACES) tự động gán cho chứng chỉ cơ bản.

Hộp 4: Tên, địa chỉ và mã của cơ quan kiểm soát hoặc cơ quan kiểm soát phụ trách kiểm soát đối với người vận hành đã tách lô hàng.

Hộp 5, 6 và 7: Xem thông tin liên quan trên giấy chứng nhận kiểm tra cơ bản.

Hộp 8: Đây là mã chữ và số duy nhất được TRACES gán cho trạm kiểm soát biên giới hoặc điểm kiểm soát không phải là trạm kiểm soát biên giới như được đề cập trong Điều 53 (1), điểm (a) của Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ⁽²⁾ hoặc điểm phát hành để lưu thông tự do vào Liên minh Châu Âu, khi thích hợp, bao gồm cả quốc gia nơi kiểm soát chính thức để xác minh lô hàng được thực hiện theo Điều 6 (1) và (2) của Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2306 ⁽³⁾ và nơi quyết định về lô hàng được ghi vào ô 30 của giấy chứng nhận kiểm tra.

Hộp 9: Quốc gia đến có nghĩa là quốc gia của người nhận hàng đầu tiên trong Liên minh Châu Âu.

Hộp 10: Người nhận hàng của lô (thu được từ việc chia tách) tại Liên minh Châu Âu.

Hộp 11: Mô tả các sản phẩm, bao gồm:

- chỉ dẫn liệu các sản phẩm là hữu cơ hay đang chuyển đổi;
- mã Danh pháp kết hợp (CN) như được đề cập trong Quy định của Hội đồng (EEC) số 2658/87 ⁽⁴⁾ cho các sản phẩm liên quan (mức 8 chữ số nếu có thể);
- danh mục sản phẩm theo Phụ lục II của Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1378 ⁽⁵⁾;
- số lượng gói (số hộp, thùng carton, túi, xô, v.v.);
- trọng lượng tịnh được biểu thị bằng đơn vị thích hợp (kg khối lượng tịnh, lít, v.v.) và trọng lượng tịnh ghi trong hộp 13 của giấy chứng nhận kiểm định cơ bản.

Hộp 12: Hộp này phải được cơ quan có thẩm quyền hoàn thành cho từng lô do hoạt động tách được đề cập trong Điều 6 (6) và 7 (3) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306.

Cơ quan có thẩm quyền phải chọn tùy chọn thích hợp bổ sung, nếu cần, bất kỳ thông tin bổ sung nào được coi là có liên quan. Đặc biệt, nếu tùy chọn 'Lô không thể được phát hành để lưu hành tự do' đã được chọn, thông tin liên quan phải được cung cấp trong 'thông tin bổ sung'.

Trường hợp sản phẩm phải kiểm soát chính thức tại chốt kiểm soát biên giới thì phải được cơ quan có thẩm quyền tại cửa khẩu hoàn thành.

Chữ ký tay của người được ủy quyền chỉ được yêu cầu trong trường hợp trích lục giấy chứng nhận kiểm định được xác nhận trên giấy cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Điều 11 (5) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306.

Hộp 13: Hộp này phải được điền bởi người nhận hàng khi nhận hàng, chọn một tùy chọn sau khi thực hiện kiểm tra được quy định tại điểm 6 của Phụ lục III của Quy định (EU) 2018/848.

Cần có chữ ký tay của người nhận hàng để trích lục giấy chứng nhận kiểm tra được xác nhận trên giấy cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 theo Điều 11 (5) của Quy định được ủy quyền (EU) 2021/2306.

(¹) Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 30 tháng 5 năm 2018 về sản xuất hữu cơ và ghi nhãn các sản phẩm hữu cơ và bãi bỏ Quy định của Hội đồng (EC) số 834/2007 ([OJ L 150, 14.6.2018, trang 1](#)).

(²) Quy định (EU) 2017/625 của Nghị viện châu Âu và của Hội đồng ngày 15 tháng 3 năm 2017 về kiểm soát chính thức và các hoạt động chính thức khác được thực hiện để đảm bảo áp dụng luật thực phẩm và thức ăn chăn nuôi, các quy tắc về sức khỏe và phúc lợi động vật, sức khỏe thực vật và các sản phẩm bảo vệ thực vật, sửa đổi Quy định (EC) số 999/2001, (EC) số 396/2005, (EC) số 1069/2009, (EC) Số 1107/2009, (EU) số 1151/2012, (EU) số 652/2014, (EU) 2016/429 và (EU) 2016/2031 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu, Quy định của Hội đồng (EC) số 1/2005 và (EC) số 1099/2009 và Chỉ thị của Hội đồng 98/58/EC, 1999/74/EC, 2007/43/EC, 2008/119/EC và 2008/120/EC, và bãi bỏ Quy định (EC) số 854/2004 và (EC) số 882/2004 của Nghị viện và Hội đồng châu Âu, Chỉ thị của Hội đồng 89/608 / EEC, 89/662 / EEC, 90/425 / EEC, 91/496 / EEC, 96/23 / EC, 96/93 / EC và 97/78 / EC và Quyết định của Hội đồng 92/438 / EEC (Quy định kiểm soát chính thức) ([OJ L 95, 7.4.2017, trang 1](#)).

(³) Quy định được ủy quyền của Ủy ban (EU) 2021/2306 ngày 21 tháng 10 năm 2021 bổ sung Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu với các quy tắc về kiểm soát chính thức đối với các lô hàng sản phẩm hữu cơ và các sản phẩm đang chuyển đổi dự định nhập khẩu vào Liên minh và trên giấy chứng nhận kiểm tra ([OJ L 461, 27.12.2021, tr.13](#)).

(⁴) Quy định của Hội đồng (EEC) số 2658/87 ngày 23 tháng 7 năm 1987 về thuế quan và danh pháp thống kê và về Biểu thuế hải quan chung ([OJ L 256, 7.9.1987, trang 1](#)).

(⁵) Quy định thực hiện của Ủy ban (EU) 2021/1378 đưa ra các quy tắc nhất định liên quan đến giấy chứng nhận được cấp cho các nhà khai thác, nhóm nhà khai thác và xuất khẩu ở các nước thứ ba liên quan đến việc nhập khẩu các sản phẩm hữu cơ và chuyển đổi vào Liên minh và thiết lập danh sách các cơ quan kiểm soát và cơ quan kiểm soát được công nhận theo Quy định (EU) 2018/848 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu ([OJ L 297, 20.8.2021, tr. 24](#)).